

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ phụ - Năm học : 2013-2014

Môn học : Thuế - 1104053

Mã lớp học phần: 110405301

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Hà Kim Thủy

Ngày thi: 12/08/2014

Giờ thi: 13h15

Phòng thi: A1.7

Giám thị 1: M. Tru

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: V. Phuong

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110140008	Trần Nam Anh	03/12/1993	<u>[Signature]</u>		3.5	Ba điểm	C13TC1	Nợ HP 6421
2	1110140011	Trần Lê Việt Ái	18/12/1993	<u>[Signature]</u>		3.5	Ba điểm	C13TC1	
3	1110140034	Lê Hoàng Diệu	29/08/1988	<u>[Signature]</u>		6.0	Sáu	C13TC1	
4	1110140047	Nguyễn Lê Giang	24/03/1993					C13TC1	Nợ HP
5	1210130112	Tổng Thị Lệ Hằng	11/09/1994					C14KT2	Nợ HP
6	1110140064	Đinh Thúy Hiền	20/12/1992	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm điểm	C13TC1	
7	1110140072	Phạm Huy Hoàng	30/07/1993	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C13TC1	
8	1210130076	Trần Thị Lan Hương	06/10/1994	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C14KT1	
9	1110140093	Trương Châu Minh Khôi	06/07/1993	<u>[Signature]</u>		4.0	Bốn	C13TC1	
10	1110140094	Đặng Tường Duy Khương	25/04/1993	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C13TC1	
11	1210130105	Lê Kiều Linh	19/11/1994	<u>[Signature]</u>		4.0	Bốn	C14KT1	
12	1110140118	Trần Thùy Linh	28/08/1993	<u>[Signature]</u>		4.5	Bốn điểm	C13TC1	
13	1210130142	Văn Thị Việt Mỹ	05/08/1994					C14KT2	Nợ HP
14	1110140164	Vũ Thị Nhàn	27/02/1992	<u>[Signature]</u>		5.5	Năm điểm	C13TC2	
15	1210130196	Trần Kim Phụng	17/10/1994	<u>[Signature]</u>		7.0	Bảy	C14KT2	
16	1210130208	Nguyễn Thị Minh Tâm	22/04/1994					C14KT2	Nợ HP
17	1210130233	Nguyễn Thị Thu Thảo	30/09/1994					C14KT3	
18	1210130216	Nguyễn Quang Thái	13/06/1994	<u>[Signature]</u>		5.0	Năm	C14KT2	
19	1210130237	Dương Thị Hồng Thi	01/04/1994	<u>[Signature]</u>		4.5	Bốn điểm	C14KT3	
20	1210130242	Huỳnh Anh Thư	07/11/1993	<u>[Signature]</u>		3.5	Ba điểm	C14KT3	
21	1110140282	Nguyễn Viết Tiến	27/07/1991					C13TC3	Nợ HP
22	1110140284	Nguyễn Hữu Tinh	20/08/1993					C13TC3	Nợ HP
23	1110140283	Lê Sĩ Tín	04/01/1993					C13TC3	Nợ HP
24	1210130279	Bùi Nguyễn Mỹ Trân	07/01/1994	<u>[Signature]</u>		4.5	Bốn điểm	C14KT3	
25	1110140322	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	16/12/1992	<u>[Signature]</u>		7.5	Bảy điểm	C13TC3	
26	1210130317	Lê Thị Kim Uyên	12/12/1994					C14KT3	Nợ HP
27	1210130318	Kiều Thị Thúy Vân	30/08/1994	<u>[Signature]</u>		8.0	Tám	C14KT3	
28	1210130336	Nguyễn Thị Ngọc Yến	20/03/1994	<u>[Signature]</u>		7.5	Bảy điểm	C14KT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 19 vắng thi: 09 Số bài thi/Số tờ: 19 / 19

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KỲ

Học kỳ phụ - Năm học : 2013-2014

Môn học : Thuế - 1104053

Mã lớp học phần: 110405301

Giảng viên giảng dạy: Hà Kim Thủy

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1110140008	Trần Nam Anh	03/12/1993	<i>Ad</i>	5.5	Năm xuất	C13TC1	
2	1110140011	Trần Lê Việt Ái	18/12/1993	<i>Ái</i>	5.5	Năm xuất	C13TC1	
3	1110140034	Lê Hoàng Diệu	29/08/1988	<i>De</i>	6.0	Sau	C13TC1	
4	1110140047	Nguyễn Lê Giang	24/03/1993				C13TC1	
5	1210130112	Tổng Thị Lệ Hằng	11/09/1994				C14KT2	
6	1110140064	Đinh Thúy Hiền	20/12/1992	<i>Huân</i>	5.5	Năm xuất	C13TC1	
7	1110140072	Phạm Huy Hoàng	30/07/1993	<i>Hog</i>	6.0	Sau	C13TC1	
8	1210130076	Trần Thị Lan Hương	06/10/1994	<i>C.Mr</i>	9.0	Chun	C14KT1	
9	1110140093	Trương Châu Minh Khôi	06/07/1993	<i>John</i>	4.5	Bên xuất	C13TC1	
10	1110140094	Đặng Tường Duy Khương	25/04/1993	<i>Lyth</i>	6.0	Sau	C13TC1	
11	1210130105	Lê Kiều Linh	19/11/1994	<i>W</i>	6.5	Sau xuất	C14KT1	
12	1110140118	Trần Thùy Linh	28/08/1993	<i>Linh</i>	5.0	Năm	C13TC1	
13	1210130142	Văn Thị Việt Mỹ	05/08/1994				C14KT2	
14	1110140164	Vũ Thị Nhân	27/02/1992	<i>Th</i>	6.0	Sau	C13TC2	
15	1210130196	Trần Kim Phụng	17/10/1994	<i>Ph</i>	8.0	Tam	C14KT2	
16	1210130208	Nguyễn Thị Minh Tâm	22/04/1994		5.0		C14KT2	
17	1210130233	Nguyễn Thị Thu Thảo	30/09/1994	<i>Th</i>	9.0	Chim	C14KT3	
18	1210130216	Nguyễn Quang Thái	13/06/1994	<i>Th</i>	5.0	Năm	C14KT2	
19	1210130237	Dương Thị Hồng Thi	01/04/1994	<i>Th</i>	10.0	Thi	C14KT3	
20	1210130242	Huỳnh Anh Thư	07/11/1993	<i>Ok</i>	7.5	Bên xuất	C14KT3	
21	1110140282	Nguyễn Việt Tiến	27/07/1991				C13TC3	
22	1110140284	Nguyễn Hữu Tinh	20/08/1993				C13TC3	
23	1110140283	Lê Sĩ Tín	04/01/1993				C13TC3	
24	1210130279	Bùi Nguyễn Mỹ Trân	07/01/1994	<i>myhas</i>	6.0	Sau	C14KT3	
25	1110140322	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	16/12/1992	<i>Th</i>	5.5	Năm xuất	C13TC3	
26	1210130317	Lê Thị Kim Uyên	12/12/1994				C14KT3	
27	1210130318	Kiều Thị Thúy Vân	30/08/1994	<i>Th</i>	6.5	Sau xuất	C14KT3	
28	1210130336	Nguyễn Thị Ngọc Yến	20/03/1994	<i>Yen</i>	8.0	Tam	C14KT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ . Số bài thi: _____ / _____ .

Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ , _____ %